

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 9 năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HUD101 Construction Joint Stock Company

Tên viết tắt: HUD101., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 158, ngõ 192, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch (Bổ nhiệm tháng 4/2012)
Ông Ngô Quang Đạo	Chủ tịch (Miễn nhiệm tháng 4/2012)
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên (Miễn nhiệm tháng 4/2012)
Ông Đỗ Quang Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm tháng 8/2012)
Bà Vũ Thị Hồng Liễu	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm tháng 4/2012)
Ông Nguyễn Vương Quốc	Ủy viên (Bổ nhiệm tháng 4/2012)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khương	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/8/2012)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/9/2012)
Ông Đoàn Văn Đức	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm tháng 9/2012)
Ông Đỗ Quang Hoa	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm tháng 8/2012)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nguyễn Đức Khương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số: /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN
về Báo cáo tài chính cho năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MÃU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		79.336.199.090	89.067.086.071
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	785.184.067	8.924.344.640
1. Tiền	111		585.184.067	5.924.344.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	3.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.196.835.037	30.561.961.656
1. Phải thu khách hàng	131		45.145.806.094	30.409.429.477
2. Trả trước cho người bán	132		25.209.421	50.247.136
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	25.819.522	102.285.043
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	30.315.346.622	44.885.632.049
1. Hàng tồn kho	141		30.315.346.622	44.885.632.049
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.038.833.364	4.695.147.726
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.038.833.364	4.695.147.726
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		3.248.804.390	5.571.894.917
II- Tài sản cố định	220		3.027.744.277	4.196.838.502
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3.027.744.277	4.196.838.502
- Nguyên giá	222		8.481.427.172	8.481.427.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.453.682.895)	(4.284.588.670)
V- Tài sản dài hạn khác	260		221.060.113	1.375.056.415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	221.060.113	1.375.056.415
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		82.585.003.480	94.638.980.988

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		70.685.150.230	82.254.207.607
I- Nợ ngắn hạn	310		70.685.150.230	82.254.207.607
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	24.186.599.670	47.604.949.821
2. Phải trả người bán	312		3.393.218.337	4.679.815.689
3. Người mua trả tiền trước	313		1.298.059.303	1.564.842.490
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	3.260.851.678	551.201.500
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.9	38.532.060.729	27.809.937.594
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.360.513	43.460.513
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.899.853.250	12.384.773.381
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.10	11.899.853.250	12.384.773.381
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.600.000.000	10.600.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		819.057.034	811.430.963
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		435.716.347	407.420.238
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.079.869	565.922.180
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		82.585.003.480	94.638.980.988

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		99.680.961.103	158.782.149.802
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.11	99.680.961.103	158.782.149.802
4. Giá vốn hàng bán	11	5.12	95.530.321.369	152.260.377.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.150.639.734	6.521.772.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.13	88.315.717	1.374.509.631
7. Chi phí tài chính	22	5.14	523.522.384	2.025.888.441
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		523.522.384	2.025.888.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.15	3.655.326.576	5.321.808.563
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		60.106.491	548.585.032
11. Thu nhập khác	31		-	885.020.455
12. Chi phí khác	32		-	679.042.582
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.16	-	205.977.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		60.106.491	754.562.905
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	15.026.622	188.640.725
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		45.079.869	565.922.180
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	43	534

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	3	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	2	3	4	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		93.552.427.946	194.556.823.313
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39.324.084.580)	(159.104.310.445)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.868.947.565)	(34.475.509.548)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(523.522.384)	(2.025.888.441)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(24.057.501)	(394.494.484)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.718.910	493.928.789
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.155.410.965)	(5.935.724.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.698.123.861	(6.885.174.936)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(12.950.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		111.065.717	1.069.930.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		111.065.717	1.056.980.206
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.512.199.670	97.109.355.071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53.930.549.821)	(96.924.455.814)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(530.000.000)	(623.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.948.350.151)	(438.380.743)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(8.139.160.573)	(6.266.575.473)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.924.344.640	15.190.920.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	34	785.184.067	8.924.344.640

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng
Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	540.600	5.406.000.000	51%
Các cổ đông khác	519.400	5.194.000.000	49%
Cộng	1.060.000	10.600.000.000	100%

Địa chỉ đăng ký: Số 158, ngõ 192, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 73 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, phục vụ công nghệ xây dựng; Sản xuất, mua bán các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; cho thuê giàn giáo cốp pha;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình, hạng mục công trình xây dựng;
- Xây dựng, lắp đặt; thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng, hệ thống cứu hỏa;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình, hạng mục công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính theo ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại Hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	169.157.757	1.719.643.307
Tiền gửi ngân hàng	416.026.310	4.204.701.333
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000	3.000.000.000
Tổng	785.184.067	8.924.344.640

(*) Là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng

5.2 Phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	12.487.332	73.742.734
Bảo hiểm thất nghiệp	-	542.309
Phải thu người lao động về thuế TNCN	8.832.190	-
Phải thu khác	4.500.000	28.000.000
Tổng	25.819.522	102.285.043

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.315.346.622	44.885.632.049
Tổng	30.315.346.622	44.885.632.049

Chi tiết theo công trình

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng nhà LK lô N3	2.380.833.833	924.083.790
Khu nhà TT phía Đông đường Xuân Diệu	-	1.593.822.364
San nền, đường hè, TNM- Tây Linh Đàm	1.153.780.520	910.393.520
CT ngôi nhà mới HĐ 248/2011	1.746.201.077	229.933.384
Nhà ở công nhân CC1*- NM xi măng Sông Thao	241.291.582	12.255.377.244
Hạ tầng kỹ thuật gói 6 - HTKT Vân Canh	1.543.533.484	1.697.258.484
Nhà biệt thự BT7 - Khu đô mới Vân Canh	4.445.407.599	2.417.669.886
Xử lý nền, thảm BTN các tuyến - Vân Canh	1.066.582.902	1.941.237.115
Đường nối Láng Hòa Lạc đến Q.Lộ 32	1.257.563.574	1.420.776.910
CT xây dựng lô đất CV-02. Đường GT - VH	1.208.073.586	470.207.277
Xây thô nhà thấp tầng NV04B- Lô HH04- VH	5.649.306.656	6.847.966.528
Rải thảm asphan gói 5 Việt Hưng HĐ/47/2012	1.006.810.900	-
Hoàn thiện nhà ở thấp tầng NV04B Việt Hưng	1.472.223.340	-
Các công trình khác	7.143.737.569	14.176.905.547
Cộng	30.315.346.622	44.885.632.049

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.038.833.364	4.695.147.726
Tổng	3.038.833.364	4.695.147.726

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2012	7.518.639.952	872.352.182	90.435.038	8.481.427.172
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	7.518.639.952	872.352.182	90.435.038	8.481.427.172
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2012	3.972.332.993	258.013.242	54.242.435	4.284.588.670
Tăng trong năm	1.069.785.721	84.774.487	14.534.018	1.169.094.225
Khấu hao trong năm	1.069.785.721	84.774.487	14.534.018	1.169.094.225
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	5.042.118.714	342.787.729	68.776.453	5.453.682.895
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2012	3.546.306.959	614.338.940	36.192.603	4.196.838.502
Tại 31/12/2012	2.476.521.238	529.564.453	21.658.585	3.027.744.277

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 3.145.116.949

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 766.614.232

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.375.056.415	2.585.146.634
Tăng trong kỳ	161.543.818	669.603.994
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.173.328.919	1.200.651.631
Các khoản thanh lý khác	142.211.201	679.042.582
Tại ngày 31 tháng 12	221.060.113	1.375.056.415

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
CCDC phục vụ thi công công trình	6.437.657	1.200.299.295
Công cụ, dụng cụ phục vụ quản lý	214.622.456	174.757.120
Tổng	221.060.113	1.375.056.415

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.186.599.670	47.604.949.821
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	21.986.599.670	39.524.318.801
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	8.080.631.020
Công ty Cổ phần thương mại Thụy Anh	500.000.000	-
Vay cá nhân	1.700.000.000	-
Tổng	24.186.599.670	47.604.949.821

- (1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 19/04/2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, lãi suất được xác định cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay từng lần. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này là một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá ngày 30/03/2010 và Biên bản định giá ngày 20/05/2010 là 4.356.264.356 đồng.

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.057.843.628	345.544.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.008.050	188.640.725
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.015.943
Tổng	3.260.851.678	551.201.500

5.9 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	213.909.326	115.743.680
Bảo hiểm xã hội	371.554.344	74.068.618
Bảo hiểm thất nghiệp	21.978.914	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.924.618.145	27.620.125.296
- Phải trả các đội thi công(*)	37.782.294.895	27.501.370.356
- Lãi vay phải trả Ngân hàng	16.489.950	118.754.940
- Tiền thuê nhà	125.833.300	-
Tổng	38.532.060.729	27.809.937.594

(*) Là các khoản phải trả về chi phí thi công xây dựng của các đội thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2011	10.600.000.000	698.399.428	294.388.703	1.046.753.026	12.639.541.157
Tăng trong năm	-	113.031.535	113.031.535	565.922.180	791.985.250
Lãi/lỗ	-	-	-	565.922.180	565.922.180
Phân phối lợi nhuận	-	113.031.535	113.031.535	-	226.063.070
Giảm trong năm	-	-	-	1.046.753.026	1.046.753.026
Trích quỹ	-	-	-	423.473.026	423.473.026
Chia cổ tức	-	-	-	623.280.000	623.280.000
Số dư tại 31/12/2011	10.600.000.000	811.430.963	407.420.238	565.922.180	12.384.773.381
Số dư tại 01/01/2012	10.600.000.000	811.430.963	407.420.238	565.922.180	12.384.773.381
Tăng trong kỳ	-	7.626.071	28.296.109	45.079.869	81.002.049
Lãi năm kỳ	-	-	-	45.079.869	45.079.869
Phân phối lợi nhuận	-	7.626.071	28.296.109	-	35.922.180
Giảm trong kỳ	-	-	-	565.922.180	565.922.180
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	35.922.180	35.922.180
Chia cổ tức 2011 (*)	-	-	-	530.000.000	530.000.000
Số dư tại 31/12/2012	10.600.000.000	819.057.034	435.716.347	45.079.869	11.899.853.250

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2012 vv phân chia lợi nhuận sau thuế. Cụ thể:

Chi trả cổ tức cho cổ đông (5%/năm)	530.000.000 đồng
Quỹ dự phòng tài chính (5%/LNST)	28.926.109 đồng
Quỹ đầu tư phát triển (số còn lại)	7.626.071 đồng

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	5.406.000.000	5.406.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	5.194.000.000	5.194.000.000
Tổng	10.600.000.000	10.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.600.000.000	10.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	530.000.000	623.280.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

5.11 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.445.988.000	2.781.353.164
Doanh thu hoạt động xây lắp	97.234.973.103	156.000.796.638
Tổng	99.680.961.103	158.782.149.802

5.12 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.276.691.334	1.911.354.440
Giá vốn hoạt động xây lắp	93.253.630.035	150.349.022.957
Tổng	95.530.321.369	152.260.377.397

5.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.315.717	1.374.509.631
Tổng	88.315.717	1.374.509.631

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.14 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	523.522.384	2.025.888.441
Tổng	523.522.384	2.025.888.441

5.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.136.523.558	3.334.125.329
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	731.138.545	172.065.875
Chi phí khấu hao TSCĐ	118.578.042	110.623.684
Thuế, phí và lệ phí	46.276.429	255.084.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	566.667.002	601.776.723
Chi phí khác bằng tiền	56.143.000	848.132.603
Tổng	3.655.326.576	5.321.808.563

5.16 Lợi nhuận khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác	-	885.020.455
Thanh lý TSCĐ, thiết bị thi công	-	885.020.455
Chi phí khác	-	679.042.582
Giá trị còn lại của TSCĐ, thiết bị thi công thanh lý	-	679.042.582
Lợi nhuận khác	-	205.977.873

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.106.491	754.562.905
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	60.106.491	754.562.905
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	15.026.623	188.640.726
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.026.622	188.640.725

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	45.079.869	565.922.180
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	45.079.869	565.922.180
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.060.000	1.060.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	43	534

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.147.508.491	110.264.244.389
Chi phí nhân công	26.955.637.225	46.253.463.997
Chi phí CCDC	2.182.454.534	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.169.094.225	1.213.234.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.368.503.818	9.354.351.114
Chi phí khác bằng tiền	3.715.193.435	4.087.876.716
Tổng	91.538.391.728	171.173.170.340

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành		Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	343.833.247	610.327.472

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Giao dịch bán	35.869.756.928	46.925.019.740
		<i>Xây lắp</i>	35.339.656.928	45.367.472.940
		Giao dịch khác	431.573.905	-
		<i>Trả cổ tức</i>	270.300.000	-
		<i>Tiền điện</i>	44.612.200	-
		<i>Lãi vay</i>	116.661.705	-
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	-	25.182.045.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	10.582.005.454	7.845.938.183
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	28.414.476.365	24.789.159.090
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	3.012.180.000	8.974.558.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	2.191.145.455	13.888.851.818

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư tại 31/12/2012	Số dư tại 01/01/2012
Phải thu khách hàng			28.139.987.726	9.223.765.999
Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị	Tổng Công ty	Công nợ	5.412.672.266	7.497.931.606
Công ty CP Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Công nợ (đã bao gồm CCDC)	7.619.241.329	4.575.158.944
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	Công nợ	800.333.299	800.333.299
Công ty CP đầu tư XD đô thị Việt Nam	Cùng TCT	Công nợ	181.616.556	581.616.556
Công ty CP ĐT và PT Nhà và Đô thị HUD8	Cùng TCT	Công nợ	1.759.406.200	3.043.473.200
Công ty CP ĐT và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng TCT	Công nợ	14.579.859.832	223.184.000
Công ty CP ĐTPT Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng TCT	Công nợ	3.199.530.510	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Cùng TCT	Công nợ	5.870.003.000	3.828.071.200
Người mua trả tiền trước			1.150.975.000	1.264.842.490
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4	Cùng TCT	Công nợ	1.150.975.000	1.150.975.000
Công ty CP ĐTPT Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng TCT	Công nợ	-	113.867.490
Phải trả người bán			286.751.849	10.528.305
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Công nợ	286.751.849	10.528.305

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	785.184.067	8.924.344.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.171.625.616	30.511.714.520
Tổng cộng	45.956.809.683	39.436.059.160

Công nợ tài chính

Các khoản vay	24.186.599.670	47.604.949.821
Phải trả khách hàng và phải trả khác	41.925.279.066	32.489.753.283
Tổng cộng	66.111.878.736	80.094.703.104

6.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	24.186.599.670	-	24.186.599.670
Phải trả người bán và phải trả khác	41.925.279.066	-	41.925.279.066
Tổng cộng	66.111.878.736	-	66.111.878.736
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	47.604.949.821	-	47.604.949.821
Phải trả người bán và phải trả khác	32.489.753.283	-	32.489.753.283
Tổng cộng	80.094.703.104	-	80.094.703.104

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	785.184.067	-	785.184.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.171.625.616	-	45.171.625.616
Tổng cộng	45.956.809.683	-	45.956.809.683
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.924.344.640	-	8.924.344.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.511.714.520	-	30.511.714.520
Tổng cộng	39.436.059.160	-	39.436.059.160

6.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương